

# ẢNH HƯỞNG THIẾT CHẾ XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG ĐẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CHÍNH QUYỀN CẤP CƠ SỞ HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN THẮNG<sup>(\*)</sup>

Ngày nhận bài: 28/5/2024 Ngày thẩm định: 31/5/2024 Ngày duyệt đăng: 20/9/2024

**Tóm tắt:** Thiết chế xã hội truyền thống là sản phẩm của văn hóa cổ truyền được lưu truyền, có ảnh hưởng tới công tác quản lý xã hội ở địa phương, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn. Bài viết tập trung làm rõ những ảnh hưởng của thiết chế xã hội truyền thống đến công tác quản lý nhà nước của chính quyền cấp cơ sở. Qua đó, nhìn nhận được những giá trị tiến bộ và các hạn chế tạo ra trở lực trong thực tiễn quản lý xã hội mới hiện nay.

**Từ khóa:** cấp cơ sở; quản lý nhà nước; thiết chế xã hội truyền thống

**1. Đặt vấn đề**  
Thiết chế xã hội truyền thống được hiểu là “thiết chế trong xã hội tiền hiện đại với những mối quan hệ của các thể chế trong các cộng đồng mà chưa có sự tham gia quản lý của các thiết chế nhà nước<sup>(1)</sup>. Hiện nay, thiết chế xã hội truyền thống vẫn ảnh hưởng tới đời sống của một bộ phận không nhỏ dân cư ở nước ta, nhất là vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Thiết chế này cũng đang tác động đến quản lý xã hội của chính quyền các cấp, nhất là chính quyền cấp cơ sở. Điều này xuất phát từ sự gần gũi về địa bàn quản lý; tương đồng trong phong tục tập quán, quan hệ thân tộc giữa đối tượng quản lý và người quản lý; nhất là tác động từ uy tín của tổ chức xã hội theo truyền thống, tâm lý và văn hóa tộc người,...

Chức năng, nhiệm vụ cơ bản của thiết chế xã hội truyền thống là: (1) Đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và các thành viên trên các mặt, như tổ chức, quản lý, vận hành hệ thống quy tắc trong xã hội; (2) Điều chỉnh hoạt động các bộ phận trong cộng đồng và thành viên bằng quy định, nội quy do chính cộng đồng đưa ra hoặc được thống nhất theo phong tục; (3) Kết hợp hài hòa các bộ phận, bảo đảm sự ổn định của cộng đồng<sup>(2)</sup>. Đồng thời, nó mang những đặc điểm nổi bật, như: sự phong phú, đa dạng; bị tác động bởi trình độ phát triển kinh tế - xã hội, giai cấp và phân tầng xã hội cũng như việc đan xen, chồng lấn của các tộc người trong quá trình tụ cư. Công cụ giúp hỗ trợ tổ chức quản lý xã hội là luật tục, phong tục, tập quán, kiêng kỵ, hèm,... Quy định này được hình thành trong quá trình lịch sử tộc người, trở thành giá trị phù hợp, được người dân trong cộng đồng thống nhất và tự nguyện tuân thủ, làm theo.

<sup>(\*)</sup> TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Chính quyền cấp cơ sở hiện nay thực hiện các chức năng quan trọng như: (1) Tổ chức và hướng dẫn cho nhân dân, tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; (2) Tạo điều kiện cho nhân dân phát triển kinh tế, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người dân để nhanh chóng giải quyết hoặc phản ánh lên cấp trên; (3) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tại các cơ quan, tổ chức ở địa phương; (4) Tổ chức thực hiện tốt kế hoạch về kinh tế - xã hội và kế hoạch ngân sách xã được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hằng năm, xây dựng dự toán ngân sách năm sau trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. So sánh chức năng và nhiệm vụ của thiết chế xã hội truyền thống và chính quyền cấp cơ sở cho thấy có nhiều điểm đan xen lẫn nhau.

Đánh giá ảnh hưởng của thiết chế xã hội truyền thống tới công tác quản lý nhà nước của chính quyền cấp cơ sở giúp các nhà quản lý phát huy nguồn lực xã hội trong quản lý xã hội.

## **2. Ảnh hưởng tích cực của thiết chế xã hội truyền thống đến công tác quản lý nhà nước của chính quyền cấp cơ sở**

*Thứ nhất, thiết chế xã hội truyền thống góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, là cầu nối giữa chính quyền cấp cơ sở với người dân*

Thiết chế xã hội truyền thống là sợi dây kết nối truyền thống với hiện đại, chuyển tải những giá trị hiện đại một cách phù hợp tới người dân, giúp hoạt động xã hội vận hành ổn định, hiệu quả. Bên cạnh đó, thiết chế xã hội truyền thống là cánh tay nối dài của hệ thống chính quyền cấp cơ sở bảo đảm mọi hoạt động của xã hội vận hành đồng tốc với xu thế chung của thời đại. Qua đó, hệ thống chính trị cơ sở được củng cố vững chắc, ngăn chặn sự xâm nhập những luận điệu, tư tưởng phản cách

mạng. Việc góp ý các văn bản thông qua các cuộc họp, xin ý kiến trực tiếp, gián tiếp,... là điểm nổi bật của thiết chế xã hội truyền thống trong xây dựng hệ thống chính quyền. Bằng uy tín, già làng, trưởng bản,... luôn được tiếp nhận thông tin, xin ý kiến vào dự thảo văn bản của Đảng và Nhà nước, những việc quan trọng của thôn, làng, như hôn nhân, tang ma, lập làng, đời làng,... Qua đây, họ thể hiện vai trò uy quyền trong thực tiễn chung tay cùng hệ thống chính quyền cấp cơ sở tổ chức đời sống người dân hòa thuận, phát triển, đầm ấm.

*Thứ hai, thiết chế xã hội truyền thống góp phần quản lý xã hội trong bối cảnh thiết chế truyền thống và thể chế quản lý mới đan xen, chồng lấn*

Quản lý xã hội cấp cơ sở ở Việt Nam với các vị trí được thiết lập theo quy định để quản lý, hỗ trợ người dân chung tay cùng Đảng và Nhà nước xây dựng đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh sự quản lý của chính quyền thì các thiết chế xã hội vẫn đồng hành tồn tại và ảnh hưởng đến đời sống của người dân, mặc dù vai trò của họ đã bị mai một, đậm nhạt khác nhau tùy thuộc địa bàn. Các thiết chế ấy vẫn còn có giá trị và góp phần quản lý xã hội thông qua uy tín của bản thân và niềm tin của người dân. Các thiết chế xã hội truyền thống, như già làng, trưởng bản..., đang góp phần quản lý xã hội nơi họ sinh sống, giúp những nơi xã hội chuyển động chậm hơn vẫn còn bị chi phối bởi các thiết chế xã hội truyền thống cùng tạo thành dòng chảy hòa vào đời sống tộc người trong bối cảnh mới. Với uy quyền được trao, được tôn vinh thông qua công cụ quản lý xã hội là phong tục, luật tục, quy ước thôn bản,... thiết chế xã hội truyền thống đã từng tăng bậc tham gia vào quản lý xã hội, góp phần cùng các lực lượng quản lý xã hội mới, như công an, quân đội, dân quân, chính quyền,... với công cụ là pháp luật tạo nên môi trường sống an toàn, lành mạnh cho người dân.

*Thứ ba, thiết chế xã hội truyền thống góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn giá trị văn hóa tộc người*

Thiết chế xã hội truyền thống được hình thành dựa trên điều kiện kinh tế - xã hội, bối cảnh lịch sử và tổ chức quản lý đời sống của họ. Đó là nền sản xuất nương rẫy, khép kín, tự cung tự cấp, phân công lao động xã hội giản đơn, hình thức phân phối theo chủ nghĩa bình quân,... đã tác động vào nhận thức, hình thành nên thói quen riêng ở từng cộng đồng. Vận dụng pháp luật vào thực tế gặp nhiều khó khăn, nhất là thay đổi nhận thức của người dân về thay đổi hành vi. Ví dụ, quyền sở hữu, hình thức sở hữu,... sẽ ít phù hợp với tộc người sống du canh, du cư. Trong điều kiện ấy, thiết chế xã hội truyền thống tác động mạnh mẽ đến điều chỉnh các quan hệ kinh tế, như việc cấm đốt nương, săn bắt thú rừng, đánh cá, bán đất rừng, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng thiêng,... Thông qua hoạt động tham gia tích cực và có hiệu quả cùng các cơ quan quản lý nhà nước, thiết chế xã hội truyền thống góp phần vào thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Điều này đã được nhìn nhận, đánh giá qua thực tiễn hoạt động. Bằng uy tín và thông qua hành động trực tiếp, như tuyên truyền, vận động, cổ vũ, chia sẻ kinh nghiệm,... thiết chế xã hội truyền thống đã đưa chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước tới người dân trong cộng đồng phát triển kinh tế, áp dụng khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất.

Các thiết chế xã hội truyền thống có vai trò quan trọng trong bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa tộc người trong bối cảnh mới hiện nay. Đây là điểm nổi bật trong thực tiễn hoạt động. Bởi vì, hiện thân của họ chính là kho tàng sống về văn hóa tộc người, là người hiểu biết về phong tục, tập quán, thích ứng sản xuất với điều kiện tự nhiên - xã hội nơi họ đã gắn bó. Ở vị trí ấy, họ càng có cơ hội tiếp xúc, thực hành giá trị văn hóa cộng đồng, qua thời gian, họ dần trở thành nơi hội tụ

giá trị văn hóa tộc người và trọng trách tiếp sau chính là bảo tồn, lan tỏa giá trị văn hóa ấy. Những điều răn, những kiêng kỵ, những quy định của cộng đồng về chặt cây to, khai thác gỗ trong rừng, cấm săn bắn, đánh bắt ở một khoảng thời gian trong năm để cây, con vật sinh trưởng, cấm chặt phá rừng đầu nguồn, phóng uế làm bẩn nguồn nước,... đều góp phần tổ chức, quản lý rừng, bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn của các cấp chính quyền địa phương mà người Hà Nhi ở Y Tí, Bát Xát, Lào Cai là một ví dụ tiêu biểu. Luật tục Ê đê, Ba na, Xơ đăng,... đều ghi rõ với quan hệ anh em, họ hàng, làng xóm,... phải biết tôn trọng nhau, kính trọng bề trên, sống chan hòa tình cảm, giúp đỡ nhau. Đây là điểm quan trọng đối với chính quyền trong vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư. Sự tương đồng về nét đẹp truyền thống với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được nhân lên khi tư tưởng hiện đại kế thừa và phát huy giá trị truyền thống của cha ông để lại.

*Thứ tư, thiết chế xã hội truyền thống kiến tạo đoàn kết trong cộng đồng theo quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong bối cảnh mới*

Thực tiễn cho thấy, thông qua uy quyền, thiết chế xã hội truyền thống đã góp phần cùng chính quyền cấp cơ sở thực hiện thành công nhiều cuộc vận động đoàn kết toàn dân của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới. Họ luôn là người đi đầu trong mọi hoạt động vận động, tuyên truyền, củng cố khối đoàn kết tộc người nơi cư trú, họ được cộng đồng tôn vinh và được ví như “cây đa đầu làng, cây sung giữa bản”, là tâm điểm của hội tụ, tập hợp sức mạnh đoàn kết của cộng đồng. Thông qua các thiết chế này, sức mạnh cộng đồng được nâng lên bắt nhịp cùng các hoạt động của chính quyền cấp cơ sở, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Các thiết chế xã hội truyền thống cũng dựa vào những hiểu biết góp ý, xây dựng, trao đổi với cán bộ chính quyền địa phương để

triển khai đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với hiểu biết và tập quán tộc người. Đây là điểm quan trọng thể hiện vai trò cầu nối giữa truyền thống và hiện đại, giữa thiết chế quan phương và phi quan phương trong vùng đồng bào tộc người thiểu số.

### **3. Ảnh hưởng tiêu cực của thiết chế xã hội truyền thống đến công tác quản lý nhà nước của chính quyền cấp cơ sở**

*Một là, tính khép kín, cục bộ của thiết chế xã hội truyền thống ảnh hưởng đến hoạt động tích cực của chính quyền cấp cơ sở*

Đây là điểm đã và đang tạo ra lực cản cho hoạt động của chính quyền cấp cơ sở trong thực tiễn. Do tính khép kín tương đối ở địa bàn cư trú, điểm tụ cư,... nên tính tự cấp, tự túc trong đời sống sản xuất, sinh hoạt cao, sống phụ thuộc vào thiên nhiên và khai thác thiên nhiên dần trở thành thói quen trong đời sống tộc người, từ đó, nảy sinh tâm lý thỏa mãn với đời sống hiện có, chấp nhận với thực tại,... Sự cục bộ trong thực tiễn cũng được nhìn thấy qua hoạt động cất nhắc, bầu cử, giới thiệu nhân sự cho những chức danh tự quản ở thôn, bản, như trường hợp ở Ba Vì, Hà Nội<sup>(3)</sup>, Hà Giang,...

*Hai là, hiểu sai về quyền lực truyền thống, níu giữ quyền lực khi xã hội đã thay đổi dẫn tới tâm lý không thoải mái, chưa hài lòng với những thay đổi mới, thực tế mới*

Nhiều nơi có những thiết chế xã hội truyền thống đã dùng ảnh hưởng của mình để tác động tới tâm lý, cách nhìn nhận của người dân gây khó khăn hơn cho chính quyền cấp cơ sở trong thực thi chủ trương, chính sách. Khai thác quyền lực truyền thống để níu giữ ảnh hưởng, bởi họ cho rằng, đó là truyền thống đã trao truyền và muốn níu giữ nó, thực thi nó theo truyền thống chứ không phải đổi mới cho phù hợp với thực tiễn xã hội hiện đại. Do vậy, nảy sinh những hiểu sai về quyền lực truyền thống, tạo ra rào cản cho quá trình phát triển. Việc áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất làm cho năng suất cây trồng đã

tăng lên rõ rệt. Dự báo thời tiết đã thay thế cho nhận định của thầy cúng, thầy bói nhận định về mưa, nắng; y tế đã chữa bệnh, cứu người thay cho cúng bái, trấn, yểm; giáo dục đã nâng cao nhận thức của người dân;... Bảo tồn cúng nhắc hào quang quá khứ bằng tri thức, kinh nghiệm trong bối cảnh khoa học - kỹ thuật hiện đại đã vượt xa hiểu biết của họ là việc không khách quan, duy ý chí. Tuy nhiên, một bộ phận người dân vẫn tin, thực hành theo chỉ bảo của họ, bởi uy tín và niềm tin vẫn chảy trong đời sống xã hội nơi họ sinh sống. Do vậy, chưa thể ngay lập tức loại bỏ điểm này ra khỏi đời sống cộng đồng. Đây chính là điểm nghẽn, là trở lực trong quá trình quản lý xã hội của chính quyền cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay.

*Ba là, thiết chế xã hội truyền thống tham gia quản lý xã hội theo kinh nghiệm, lối mòn*

Trong truyền thống, các thiết chế xã hội được cộng đồng tôn vinh, suy tôn theo phong tục, tập quán của tộc người bởi sự minh triết của chính thiết chế ấy. Họ vận hành xã hội theo kinh nghiệm truyền thống, lối mòn được các bậc tiền nhân định sẵn, con người chỉ thực hành theo và làm không đúng truyền thống, tức là chống lại quá khứ, không tôn trọng cha ông. Định kiến ấy được lặp đi lặp lại và trở thành lối mòn tư duy in hằn trong tâm thức của cộng đồng. Khi trở thành người mang trọng trách dẫn lối, thiết chế xã hội truyền thống tiếp tục đi theo cách thức đã có. Như vậy, kinh nghiệm cũ, lối mòn đã có tiếp tục được cộng đồng trong xã hội mới tiếp bước. Việc này dẫn tới hệ lụy, giá trị cũ không còn phù hợp với hiện thực mới tạo ra độ vênh với sự phát triển xã hội, gây khó khăn đôi khi thành trở lực, rào cản cho chính quyền cấp cơ sở trong quản lý. Cụ thể, Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội quy định rõ về thời gian tổ chức tang lễ, khuyến cáo với hành động rắc vàng mã, rải tiền, xây mộ,

thời gian tổ chức..., nhưng nhiều gia đình vẫn nghe theo thầy cúng, thầy bói thực hành việc tang theo tập tục không còn phù hợp với đời sống mới, gây khó khăn cho việc quản lý của chính quyền. Nhiều vấn đề nảy sinh trong đời sống mới do ảnh hưởng từ thiết chế xã hội truyền thống, như cúng bái linh đình, cúng trùng tang, phải trún, yếm, xây lăng mộ..., gây lãng phí cho gia chủ và khó khăn cho việc vận động người dân thực hiện chính sách của Nhà nước trong thực hiện nếp sống mới. Điều này diễn ra ở rất nhiều địa phương trên cả nước, không chỉ ở các tỉnh miền núi, vùng sâu, xa, khó khăn mà ở nhiều thành phố vẫn hiện hữu những tập tục không còn phù hợp này.

*Bốn là, vận dụng phong tục, tập quán, luật tục đúng đắn vào đời sống hiện đại dẫn tới điểm vênh nhau giữa luật tục - luật pháp*

Hiện nay, thiết chế xã hội với các luật tục, phong tục có ảnh hưởng đến quản lý xã hội. Chẳng hạn, lễ thức trong tang ma các tộc người luôn có sự khác biệt nhưng có điểm chung là nơi thể hiện tình cảm, sự tiếc thương của người sống dành cho người chết. Trong quản lý, đây là vấn đề nhạy cảm, một mặt, cần thể hiện được sự chia sẻ với đồng bào; mặt khác, phải thực hiện đúng hướng dẫn trong quản lý nhà nước về việc cưới, tang. Người Gié-Triêng trong truyền thống thực hiện tập tục huyền táng, tức là để quan tài lộ thiên,... Khi chính quyền vào cuộc tìm hiểu sự việc, lúc đầu, các già làng khuyên không vào nghĩa trang, vì sợ khi bị khuấy động ma về bắt tội dân làng. Nhiều tộc người, không đưa người chết ngoài nhà về gia đình và chôn ở nghĩa địa của làng. Bởi vì, họ coi đây là chết dữ, nếu đưa xác qua cổng làng hồn ma sẽ làm hại người trong làng. Những ứng xử đó không chỉ gây ra sự ám ảnh, tang thương với những người còn sống, mà còn khiến cho phong tục trở thành hủ tục, làm mất đi các giá trị nhân bản của con người Việt Nam, làm khó cho chính quyền địa phương trong công tác vận động, tuyên truyền thực hiện lối sống văn minh trong cộng đồng dân cư.

Tảo hôn, hôn nhân cận huyết vẫn diễn ra trong nhiều tộc người thiểu số ở Việt Nam, nhiều nhất là người H'mông. Lễ cưới được tổ chức theo truyền thống, nhiều cặp vợ chồng không đăng ký kết hôn. Tảo hôn đã gây ra những hệ lụy, như chất lượng cuộc sống giảm sút; sinh hoạt của cộng đồng dân cư nơi lớp trẻ sinh sống thay đổi; có thai ngoài ý muốn; đẻ nhiều; đẻ dày; cuộc sống khó khăn;... và hệ quả là đói nghèo, thất học, thất nghiệp,... Tuy nhiên, chính quyền rất khó để can thiệp bởi nhận thức, phong tục tập quán đã ăn sâu vào nếp sống của họ. Người Gié-Triêng còn tục con gái muốn cưới chồng thì phải có củi sinh lễ, "*bó củi hứa hôn*". Hậu quả của việc này chính là tình trạng phá rừng, làm cho công tác quản lý rừng của các đơn vị chức năng rất khó khăn.

Trong lễ hội, cũng có nhiều điểm làm ảnh hưởng tới công tác quản lý xã hội của các cấp chính quyền, như lễ bỏ mả, lễ thức đâm trâu, tôn trưởng họ, tẩu sai, sin phê đảng...; thời gian tổ chức lễ thường từ 03 - 05 ngày, gia chủ phải làm gà, nấu cơm, chuẩn bị rượu,... để thiết đãi dân làng. Để tổ chức được lễ, nhiều gia đình phải cật lực lao động tích góp nhiều năm. Sau nghi lễ, nhiều gia đình rơi vào cảnh khó khăn, vay nợ hoặc dùng tiền hỗ trợ chính sách do Nhà nước cấp phục vụ việc khai hoang, làm nhà,... để chi dùng cho tổ chức nghi lễ. Phong tục này đã gây tổn kém về kinh tế cho gia chủ, cộng đồng, nhưng khi chính quyền vận động người dân tổ chức, thực hiện nghi lễ đơn giản, tiết kiệm thì nhiều nơi chưa nhận được sự đồng thuận của cộng đồng, bởi họ cho rằng đó là truyền thống, là một phần không thể thiếu của tộc người họ.

**4. Một số khuyến nghị nhằm phát huy tính tích cực, hạn chế tiêu cực của thiết chế xã hội truyền thống đến công tác quản lý nhà nước của chính quyền cấp cơ sở**

*Thứ nhất*, nhận thức đúng và phát huy vai trò của thiết chế xã hội truyền thống trong cộng đồng các dân tộc thiểu số tránh tình trạng tôn trọng thiết chế xã hội truyền thống

một cách hình thức, chung chung, mà phải tôn trọng thực sự, coi họ là hiện thân, biểu tượng, truyền thống, tinh hoa của tộc người. Tuy nhiên, không được tôn sùng thái quá tránh tình trạng cực đoan, tung hô,... trong khi khai thác các yếu tố đặc thù phải trở lại với quan điểm toàn diện, tránh cường điệu quá mức cái riêng, cái đặc thù, tạo ra sự mâu thuẫn hoặc đối lập với cái chung, cái phổ biến.

*Thứ hai*, tuyên truyền nâng cao nhận thức để cán bộ, người dân nhận thức đúng thiết chế xã hội truyền thống và ảnh hưởng của nó trong xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở, đồng thời, xác định rõ vị trí, vai trò và những ảnh hưởng tác động đến việc quản lý xã hội ở cấp xã hiện nay. Qua đó, làm thay đổi nhận thức, giúp quá trình tự đánh giá khách quan và cụ thể của chủ thể thiết chế xã hội truyền thống trong củng cố, giữ gìn, xây dựng và hỗ trợ chính quyền cấp cơ sở ngày một tốt hơn. Đồng thời, xử lý nghiêm trường hợp lợi dụng uy quyền của thiết chế này tuyên truyền, xuyên tạc, vi phạm pháp luật.

*Thứ ba*, củng cố thiết chế làng, bản,... phát huy hiệu quả tính đoàn kết cộng đồng và dân chủ ở cấp cơ sở. Chú trọng xây dựng thiết chế hoạt động để nhân dân có địa điểm tiến hành sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Quan tâm nghiên cứu, sưu tầm nhằm bảo tồn loại hình văn hóa có nội dung, hình thức lành mạnh, phù hợp truyền thống và thực tiễn. Khuyến khích thiết chế xã hội truyền thống vận dụng giá trị tốt đẹp trong luật tục điều chỉnh mối quan hệ gia đình, cộng đồng, giữa cư dân với chính quyền cơ sở,... Đây là sự kết hợp tích cực, vừa thể hiện được những tinh hoa của cha ông để lại, vừa phù hợp với văn hóa truyền thống của đồng bào.

*Thứ tư*, cần có chế độ thỏa đáng hơn với các thiết chế xã hội truyền thống. Cần xây dựng các mô hình kết hợp chức danh hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, như già làng - người có uy tín đồng thời là trưởng ban công tác mặt trận hoặc là bí thư chi bộ; trưởng thôn, làng, bản đồng thời là người có

uy tín; bí thư chi bộ đồng thời là người có uy tín;... Nếu kết hợp được một số mô hình này sẽ giải quyết được vấn đề kinh phí hỗ trợ. Tuy nhiên, việc kết hợp phải gắn với thực tiễn, đặc thù của địa phương, địa bàn và văn hóa tộc người.

### 5. Kết luận

Thiết chế xã hội truyền thống là một hiện tượng xã hội được phát sinh và đồng hành cùng lịch sử tộc người, đến nay vẫn còn giá trị chi phối thực tiễn ở mức độ đậm nhạt khác nhau ở các vùng miền, tộc người. Những quyền uy này tác động đến đời sống xã hội hiện nay theo hai hướng là tích cực và hạn chế. Nó là thực tại khách quan đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc và công tác quản lý nhà nước ở các cấp chính quyền, nhất là chính quyền cấp cơ sở.

Xây dựng đời sống mới ở thôn, làng là chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, được cộng đồng các tộc người đồng thuận thực hiện. Tuy nhiên, những phong tục và tập quán không còn phù hợp với bối cảnh mới hiện nay vẫn tồn tại đang là lực cản quá trình xây dựng nông thôn mới ở nước ta. Đây chính là vấn đề cần giải quyết của các cấp chính quyền địa phương thông qua tuyên truyền, vận động, định hướng để người dân dần bỏ những tập tục không còn phù hợp với thực tế hiện nay ra khỏi đời sống □

(1) và (2) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Giáo trình Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam (dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2021, tr.141-142 và 141

(3) Hồng Hải, *Chi bộ "dòng họ"*, <https://www.qdnd.vn/>, ngày 03/6/2012